

Bàn về xuất khẩu lao động của Việt Nam khi AEC vận hành

BÀI THỊ THÙY NHỊ*

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập vào cuối năm 2015 nhằm xây dựng một thị trường đơn nhất với 5 yếu tố được lưu chuyển tự do giữa 10 nước, bao gồm: vốn, hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và lao động lành nghề. Sự dịch chuyển tự do này vừa là cơ hội cho hoạt động xuất khẩu lao động Việt Nam, đồng thời cũng vừa là thách thức không nhỏ khi trình độ lao động Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần có những chính sách hợp lý giúp lao động trong nước đủ sức cạnh tranh với lao động các nước bạn.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

Hoạt động đưa người Việt Nam ra nước ngoài làm việc hiện đang được điều chỉnh bởi Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006 và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP, ngày 01/08/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Cùng với đó, Việt Nam cũng đã xây dựng hệ thống chính sách về vấn đề xuất khẩu lao động của Việt Nam khá phong phú, bao gồm: hỗ trợ về tài chính; đào tạo lao động; thúc đẩy ký kết hợp tác lao động giữa Việt Nam với nước ngoài; thanh tra, giám sát các doanh nghiệp xuất khẩu lao động ngăn chặn tình trạng lừa đảo...

Năm 2009, Chính phủ đã thông qua Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020, triển khai tại 62 huyện nghèo trên cả nước. Theo đó, các chính sách đối với người lao động, bao gồm: hỗ trợ người lao động nâng cao trình độ văn hóa để tham gia xuất khẩu lao động với thời gian học tối đa không quá 12 tháng; hỗ trợ người lao động học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe; làm hộ chiếu, visa và lý lịch tư pháp để tham gia xuất khẩu lao động...

Theo báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Đề án (2009-2014) của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, lần đầu tiên, Việt Nam đã đào tạo và đưa được một số lượng lớn lao động là người dân tộc ra nước ngoài làm việc. Cụ thể, hơn 18.500 lao động được tuyển chọn để đào

tạo và gần 10.000 lao động đã được đưa đi làm việc tại các thị trường, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Ả Rập Xê Út... Người lao động các huyện nghèo đi làm việc đều có việc làm và thu nhập ổn định, trung bình từ 5-7 triệu đồng/tháng ở thị trường Malaysia; 6,5-7,5 triệu đồng/tháng ở thị trường Lybia, UAE, Ả Rập Xê Út, Ma Cao; 15-22 triệu đồng/tháng ở thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản (Hoàng Mạnh, 2015).

Nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động, tránh tình trạng bắt chẹt người lao động ký quỹ số tiền quá lớn, ngày 10/10/2013, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 21/2013/TT-BLĐTBXH quy định mức trần tiền ký quỹ doanh nghiệp được thỏa thuận với người lao động tại một số thị trường. Tại các nước trong khu vực ASEAN, mức ký quỹ thường thấp hơn nhiều so với các quốc gia khác. Ví dụ: tại thị trường Malaysia, mức ký quỹ tối đa theo quy định là 300 USD; Thái Lan: 300 USD; Lào: 300 USD; Brunei: 300 USD... Trong khi đó, ở Đài Loan mức trần ký quỹ dao động từ 700-1.000 USD tùy theo ngành nghề; Nhật Bản, Hàn Quốc: 1.500-3.000 USD...

Ngoài ra, một số chính sách cũng đã được ban hành nhằm hỗ trợ về kiến thức và tài chính cho người lao động trước khi xuất khẩu. Điển hình là Quyết định số 18/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/07/2007 về

*TS., Học viện Hành chính Quốc gia

Email: buithuynhi77@yahoo.com

Chương trình bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài với nhiều nội dung thiết thực, như: truyền thống, phong tục, tập quán bản sắc văn hóa của dân tộc, những nội dung cơ bản liên quan về pháp luật lao động, hình sự, dân sự, hành chính của Việt Nam và của nước tiếp nhận người lao động... Đặc biệt, để hỗ trợ về tài chính cho người lao động xuất khẩu, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cũng phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Quy chế thành lập và hướng dẫn quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước trên cơ sở thay thế Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động trước đây. Nguồn vốn của quỹ này được hình thành trên cơ sở đóng góp của doanh nghiệp (1% phí dịch vụ) và của người lao động (100.000 đồng/hợp đồng).

Nhờ những chính sách hỗ trợ kịp thời, nên thời gian qua hoạt động xuất khẩu lao động ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ. Theo thống kê của Cục Quản lý lao động ngoài nước, trong 2 năm 2014-2015, số lượng lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc đều trên 100.000 người, lần lượt là 105.000 và 115.980 người. Lao động xuất khẩu nhiều nhất sang 3 thị trường: Đài Loan, Nhật Bản và Hàn Quốc. Trong khối ASEAN, lao động chủ yếu xuất khẩu sang Malaysia (Bảng 1).

GIA NHẬP AEC: THÁCH THỨC ĐỐI MỚI CHÍNH SÁCH

Cuối năm 2015, AEC đã chính thức được hình thành, cùng với đó, các nước trong khối ASEAN thỏa thuận công nhận tay nghề tương đương 8 ngành nghề (kế toán, kiến trúc sư, nha sĩ, bác sĩ, kỹ sư, y tá, vận chuyển, nhân viên ngành du lịch) và lao động thuộc 8 ngành nghề này được di chuyển tự do giữa các nước trong khu vực. Như vậy, người lao động Việt Nam trong 8 ngành nghề nói trên, hoặc có trình độ, bằng cấp đạt tiêu chuẩn sẽ có nhiều cơ hội việc làm tại các nước trong khối.

Điều này đặt ra nhiều thách thức đối với việc xây dựng chính sách cho hoạt động xuất khẩu lao động Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh về trình độ, năng lực lao động giai đoạn mới. Cụ thể:

(i) Chính sách hỗ trợ đào tạo lao động xuất khẩu hiệu quả chưa cao, chưa có sự gắn kết với các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề của quốc gia. Việt Nam vẫn chưa có chính sách riêng về đào tạo nghề cho lao động xuất khẩu, hầu hết chính sách hỗ trợ đào tạo nằm trong các chương trình

hỗ trợ chung cho lao động xuất khẩu. Do vậy, trình độ tay nghề của lao động phần lớn phụ thuộc vào quá trình học tập của lao động, hoặc sẽ được đào tạo nhanh theo chương trình hỗ trợ quốc gia. Trong khi đó, theo số liệu từ Bản tin Cập nhật Thị trường lao động Việt Nam quý III/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê, tính đến quý III/2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của Việt Nam là 20,22% (chỉ tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2014). Chưa kể, các chương trình hỗ trợ chủ yếu dành cho các huyện nghèo (chủ yếu là nông dân), người nghèo, chứ chưa có những chính sách ưu tiên, khuyến khích dành cho đối tượng lao động đã qua đào tạo, trình độ cao.

Không những vậy, việc nâng cao trình độ cho lao động xuất khẩu lại chưa được gắn kết trong các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề quốc gia. Điển hình như, Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 với mục tiêu trong giai đoạn 2011-2015 đào tạo nghề cho 5,2 triệu lao động nông thôn, nhưng các chính sách sau học nghề mới chỉ là hỗ trợ về tín dụng tự tạo việc làm, mà chưa gắn với việc xuất khẩu lao động. Vậy nên, rất ít lao động có sự chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và thái độ, cũng như trạng thái tâm lý để sẵn sàng di chuyển sang làm việc tại các nước ASEAN. Chẳng hạn, chỉ xét về đào tạo ngoại ngữ ở Việt Nam, rất ít lao động Việt Nam học các thứ tiếng: Thái Lan, Lào, Campuchia, hoặc tiếng của các nước ASEAN khác. Cho nên, khả năng thích nghi với môi trường làm việc mới sẽ gặp nhiều khó khăn.

(ii) Chính sách hỗ trợ tiếp cận thông tin về thị trường xuất khẩu lao động còn nhiều yếu kém, hạn chế. Hiện nay, hệ thống thông tin của thị trường lao động Việt Nam bị chia cắt giữa các vùng, miền; khả năng bao quát, thu thập và cung ứng thông tin chưa đáp ứng được nhu cầu các đối tác trên thị trường lao động, đặc biệt là người sử dụng lao động và người lao động. Theo khảo sát của Trung tâm nghiên cứu - Ứng dụng khoa học về giới, gia đình, phụ nữ và vị thành niên (CSAGA) năm 2012 về “Thực trạng và nhu cầu của nạn nhân bị buôn bán, bóc lột sức lao động trở về nước” tại ba tỉnh: Hưng Yên, Hà Nam và Thái Bình cho thấy, phần lớn người làm thủ tục đi xuất khẩu lao động qua “cò” và môi giới, không giao dịch trực tiếp với các công ty được cấp phép chính thức. Có tới 23,5% người lao động không nhận được thông tin đầy đủ về công việc sẽ làm tại nước đến, 24,14% người lao động không biết chi phí thực tế của chuyến đi, cũng như chi phí bồi thường, 93,56% người lao động bị lừa gạt ít nhất một lần trong quá trình làm việc ở nước ngoài.

BẢNG 1: CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG CHÍNH CỦA VIỆT NAM

Năm	Lãnh thổ Đài Loan	Hàn Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Lào	Campuchia
2012	30.500	9.200	8.800	9.300	6.200	5.200
2013	46.368	5.446	9.886	7.654	4.860	4.250
2015	67.121	6.019	27.010	7.354	-	-

Nguồn: Cục Quản lý lao động ngoài nước – Bộ Lao động,

Thương binh và Xã hội

(iii) Chính sách giải quyết và đẩy lùi tình trạng lao động bất hợp pháp ở một số thị trường trọng điểm, như: Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Nga... còn chưa có hiệu quả dẫn tới nguy cơ mất thị trường. Đặc biệt, với thị trường Hàn Quốc, đã hơn hai lần nước bạn không ký tiếp gia hạn hợp tác về lao động do tình trạng trốn, ở lại bất hợp pháp xảy ra quá phổ biến. Những biện pháp tuyên truyền vận động người lao động kém hiệu quả, hay chế tài không đủ mạnh khiến cho số lượng lao động bất hợp pháp vẫn ngày càng tăng. Chỉ tính riêng trong năm 2015, Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) đã hướng dẫn, giúp đỡ cho các gia đình công dân xử lý hơn 100 vụ việc với những đối tượng bị bắt giữ tại nước ngoài, bị trục xuất do nhập cảnh trái phép hoặc trả về nước khi mãn hạn tù và gặp tai nạn rủi ro tại các nước.

Ngoài ra, Hệ thống chỉ tiêu về thị trường lao động tuy đã ban hành, nhưng chưa hoàn thiện, chưa đầy đủ, thiếu thống nhất và khó so sánh với quốc tế, do đó chưa đánh giá được hiện trạng của cung - cầu lao động. Việt Nam còn thiếu mô hình dự báo thị trường lao động tin cậy và nhất quán, thiếu đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm công tác thống kê, phân tích, dự báo.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Thứ nhất, Việt Nam cần đổi mới cơ cấu giáo dục nghề nghiệp, gắn kết giữa đào tạo với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp... Ưu tiên đầu tư trong từng chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng, ngành có gắn với các chương trình, dự án về đào tạo nghề cho xuất khẩu lao động.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch đưa lao động Việt Nam tham gia vào các dự án đầu tư, dịch vụ hoặc hoạt động thương mại để nâng cao kiến thức, tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng chuyên nghiệp cao nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của thị trường ASEAN. Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng, tay nghề, rèn luyện thể lực, cường độ và năng suất lao động có thể thực hiện trong vòng 6-12 tháng, nhằm rèn luyện các loại kỹ năng cần thiết và cập nhật thông tin để thích nghi với thị trường các nước ASEAN. Bên cạnh đó, cần hình thành hệ thống công ty đào tạo lao động có kỹ năng cao thuộc các loại ngành nghề được ASEAN công bố; kết hợp với các cơ sở đào tạo, cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề nhằm tạo môi

trường tốt nhất cho lao động Việt Nam khi tham gia thị trường lao động trong AEC. Ngoài ra, cần mạnh dạn kết nối với các cơ sở đào tạo có uy tín trong ASEAN để học hỏi kinh nghiệm, thích nghi chủ động trong AEC.

Thứ hai, Việt Nam cần có chính sách đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về AEC, đặc biệt về lao động có kỹ năng cao, các tiêu chuẩn cụ thể được các nước ASEAN khác công bố và áp dụng; đồng thời, tổng kết kinh nghiệm thích nghi và sẵn sàng của các quốc gia khác để làm bài học tham chiếu cho Việt Nam. Công tác thông tin về tình hình lao động các nước cũng cần được công bố công khai để các doanh nghiệp, dân cư tiếp cận thuận lợi. Theo đó, các thỏa thuận được ký kết cần thông báo cụ thể đến từng doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, đặc biệt tới đội ngũ sinh viên các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học, trung tâm dạy nghề... chuẩn bị tốt nghiệp, đáp ứng thông tin đầy đủ, kịp thời cho người dân có nhu cầu xuất khẩu lao động.

Thứ ba, xây dựng một cổng thông tin điện tử quốc gia về thị trường lao động trong AEC hoặc sàn giao dịch, chợ việc làm trong AEC với thông tin thiết thực về chính sách, tiêu chuẩn, mức tiền lương, điều kiện sinh hoạt để người dân dễ dàng tiếp cận; Công bố chứng chỉ của các cơ quan được ASEAN thừa nhận để doanh nghiệp và người dân có thể tiếp cận, cũng như yêu cầu các nước ASEAN khác công bố thông tin này trên cổng thông tin điện tử của Việt Nam.

Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp; tập trung dự báo thị trường ngắn hạn và dài hạn; phát triển, kết nối thị trường lao động với các nước trong khu vực; mở rộng, phát triển thị trường lao động ngoài nước phù hợp với trình độ, kỹ năng của lao động Việt Nam. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Anh Thu (2015). *Cộng đồng Kinh tế ASEAN: Bối cảnh và kinh nghiệm quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
2. CSAGA (2012). *Khảo sát "Thực trạng và nhu cầu của nạn nhân bị buôn bán, bóc lột sức lao động trở về nước tại ba tỉnh Hưng Yên, Hà Nam và Thái Bình năm 2012"*
3. Hoàng Mạnh (2015). *Xuất khẩu lao động giúp người nghèo thu nhập hơn 20 triệu/tháng*, truy cập từ <http://dantri.com.vn/xa-hoi/xuat-khau-lao-dong-giup-nguoi-ngheo-thu-nhap-hon-20-trieu-thang-1422396043.htm>
4. Bùi Hồng Cường (2013). *Hướng tới Cộng đồng kinh tế ASEAN 2015: Động thái của các quốc gia ASEAN, hàm ý đối với Việt Nam*, *Tạp chí Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 12 (124), tháng 12/2015